

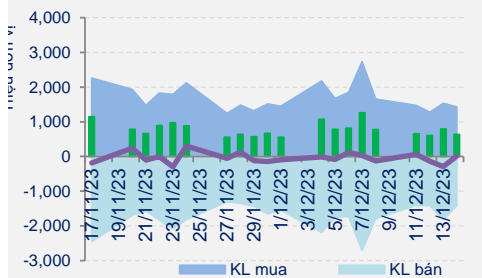
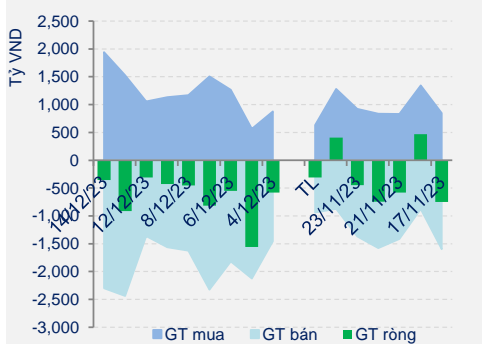
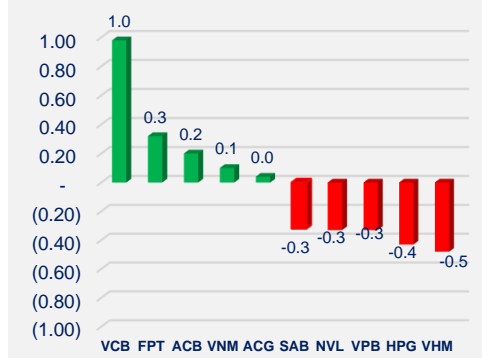
MARKET LENS

14/12/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,110.13	227.23
% Thay đổi	↓ -0.37%	↓ -0.52%
KLGD (CP)	636,947,972	87,515,696
GTGD (tỷ đồng)	14,658.61	1,731.61
Tổng cung (CP)	1,415,169,864	146,406,900
Tổng cầu (CP)	1,430,878,488	133,353,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	64,000,442	2,865,293
KL mua (CP)	50,177,661	2,856,930
GT mua (tỷ đồng)	1,942.36	121.20
GT bán (tỷ đồng)	2,298.88	86.06
GT ròng (tỷ đồng)	(356.52)	35.14

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


Thị trường đón nhận thông tin FED quyết định giữ nguyên lãi suất (5,25% - 5,5%) sau cuộc họp chính sách đêm hôm qua, đồng thời lần đầu tiên kể từ tháng 3/2021, các nhà hoạch định chính sách đưa ra dự báo sẽ không tăng thêm lãi suất và dự kiến ít nhất sẽ có 3 lần cắt giảm lãi suất vào năm 2024. Chỉ số Dow Jones (Mỹ) đóng cửa phiên giao dịch 13/12 tại mốc 37.090,24 (+1,4%), mức đỉnh mới trong lịch sử trước thông tin này.

VN-INDEX sau phiên giảm điểm cũng phục hồi trở lại kiểm tra vùng giá trung bình MA200 trong đầu phiên, sau đó áp lực điều chỉnh lại gia tăng khiến cho chỉ số giao dịch quanh mốc tham chiếu. Lực bán gia tăng mạnh hơn sau 14h khi nhà đầu tư nước ngoài gia tăng bán ròng khiến kết phiên VN-INDEX giảm 4,07 điểm (-0,37%) về mức 1.110,13 điểm. HNX-INDEX giảm 1,19 điểm (-0,52%) về mức 227,23 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết tiêu cực, áp lực bán áp đảo khi có 475 mã giảm giá (09 mã giảm sát), 208 mã tăng giá (07 mã tăng trần) và 153 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 16.385,47 tỷ đồng, giảm 20,88% so với phiên trước, dưới mức trung bình thể hiện áp lực điều chỉnh giảm, cũng như nhiều mã phục hồi thanh khoản kém. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục xu hướng bán ròng mạnh với giá trị bán ròng 356,52 tỷ đồng trên HOSE trong phiên hôm nay, tập trung ở các cổ phiếu ngân hàng, thép, bất động sản; duy trì mua ròng trên HNX với giá trị 35,14 tỷ đồng.

Với diễn biến kém tích cực của thị trường, đa số các nhóm ngành tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh. nhóm cổ phiếu xây dựng, vật liệu xây dựng chịu áp lực bán mạnh hơn so với thị trường chung, thanh khoản dưới mức trung bình như C69 (-4,17%), VCG (-2,44%), LCG (-2,03%), CII (-2,03%)... ngoài các mã tăng giá nhẹ với DHA (+1,85%), TV2 (+0,80%)...

Các cổ phiếu nhóm bất động sản đa số tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản ở mức trung bình với NVL (-4,12%), CEO (-2,71%), HDC (-2,30%), CEO (-1,74%)... ngoài các mã phục hồi nhẹ như NDN (+1,03%), DXG (+0,91%)... Các cổ phiếu cảng biển, vận tải biển cũng chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản dưới mức trung bình với VSC (-2,02%), HAH (-1,51%), VOS (-1,37%)... ngoài các mã tăng nhẹ như DVP (+1,54%), TCL (+0,27%)...

Trong khi đó các cổ phiếu nhóm ngân hàng tiếp tục có diễn biến kém tích cực, đa số điều chỉnh dưới áp lực bán ròng liên tiếp của khối ngoại, thanh khoản dưới mức trung bình với EIB (-2,63%), STB (-1,28%), VPB (-1,04%), LPB (-0,95%).... ngoài các mã tăng giá nhẹ, thanh khoản trên mức trung bình NAB (+2,13%), ACB (+0,90%), VCB (+0,84%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2312 giảm 3,1 điểm (-0,28%), chênh lệch âm -0,59 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước, dưới mức trung bình, khối lượng mở OI tăng. Xu hướng ngắn hạn VN30F2312 tích lũy kém tích cực hơn dưới vùng kháng cự quanh 1.110 điểm, vùng hỗ trợ quanh 1.100 tương ứng đường trung bình MA20. Các kỳ hạn VN30F2401, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ 0,10 điểm đến -2,19 điểm, các mức chênh lệch thu hẹp, kỳ hạn VN30F2406 lớn hơn kỳ hạn VN30F2403 cho thấy các trader vẫn chưa lạc quan với VN30, nghiêng về VN30 sẽ phục hồi ở quanh vùng 1.102 -1.103 điểm, phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở kỳ hạn lớn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Thị trường tiếp tục giảm điểm nhẹ trong phiên hôm nay, VN-Index giảm -4,07 điểm (-0,37%) và đóng cửa ở 1.110,13 điểm. Mặc dù vậy trạng thái vận động của thị trường không có nhiều thay đổi khi duy trì vận động tích lũy phía trên khu vực ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 1.100 điểm. Thị trường vẫn có khả năng tăng điểm hướng tới cận quanh 1.150 điểm nhưng cũng có thể giao dịch trong khu vực tích lũy trung hạn 1.100điểm -1.150 điểm..

Về trung hạn, chúng tôi kỳ vọng trong trường hợp tích cực Vn-Index có thể hình thành vùng tích lũy trong khu vực 1.150 điểm - 1.250 điểm, trong trường hợp kém khả quan hơn thì khả năng cao vùng tích lũy trung hạn sẽ là 1.100 điểm - 1.150 điểm.

Thị trường đang trong nhịp tích lũy ngắn hạn và điều chỉnh nhẹ nhưng theo quan điểm của chúng tôi vẫn có thể quay đầu hồi phục. Nhà đầu tư ngắn hạn có thể giải ngân nếu Vn-Index có phiên bùng nổ tiếp theo hoặc kiểm định lại vùng hỗ trợ quanh 1.100 điểm, tuy nhiên chỉ nên tham gia với tỷ trọng thấp. Nhà đầu tư trung, dài hạn thì thị trường tiếp tục nắm giữ danh mục, chờ cơ hội giải ngân thêm khi thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

14/12/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
BFC	24.80	21-22	26-27	18	11.0	18.5%	1227.6%	Theo dõi giải ngân
PET	26.35	24.5-25.5	31-32	23	35.9	-6.6%	-20.7%	Theo dõi giải ngân
CSV	40.80	37-38	44-46	35	8.8	-29.0%	-52.5%	Theo dõi giải ngân
DPM	33.20	31-33	38-39	29	8.3	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
KBC	31.00	30.5-31.2	34-35	29	16.4	21.6%	-99.3%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	25.0	22.3	28-28.5	25	12.1%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	24.6	18.6	28-29	24	32.3%	Nắm giữ
8/11/2023	PVT	25.3	24.45	30-31	25.5	3.5%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	47.4	45.1	52-53	47	5.1%	Nắm giữ
22/11/2023	LSS	11.1	11.4	15-16	11	-2.6%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Giá xăng giảm mạnh gần 1.000 đồng/lít, RON 92 chỉ còn 20.500 đồng/lít

Từ 15h ngày 14/12, giá xăng E5 RON 92 giảm 780 đồng/lít, xăng RON 95 giảm 920 đồng/lít. Liên Bộ Tài chính - Công Thương vừa phát đi thông tin về việc điều hành giá xăng dầu từ 15h ngày 14/12. Theo đó, Liên Bộ quyết định giảm 780 đồng/lít xăng E5 RON 92 và giảm 920 đồng/lít đối với xăng RON 95. Sau điều chỉnh, mức giá bán lẻ tối đa với xăng E5 RON 92 là 20.510 đồng/lít và xăng RON 95 là 21.400 đồng/lít. Tương tự, giá dầu diesel giảm 710 đồng, về còn 19.010 đồng/lít. Tính từ đầu năm đến nay, giá xăng đã trải qua 36 lần điều chỉnh, trong đó có 18 lần tăng, 13 lần giảm, 4 lần giữ nguyên và 1 lần tăng giảm trái chiều.

Fed giữ nguyên lãi suất, lần đầu không đưa ra dự báo tăng lãi suất

Lần thứ ba liên tiếp trong năm 2023, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) quyết định giữ nguyên lãi suất. Nhưng lần này, Fed phát đi tín hiệu rõ ràng rằng họ đã kết thúc chiến dịch tăng lãi suất mạnh mẽ và dự kiến thực hiện một loạt đợt cắt giảm vào năm 2024. Ngày 13/12, các quan chức Fed đã bỏ phiếu nhất trí giữ nguyên lãi suất trong phạm vi 5,25% - 5,5%, mức cao nhất trong 22 năm. Đáng chú ý hơn là cuộc họp hôm 13/12, lần đầu tiên kể từ tháng 3/2021, các nhà hoạch định chính sách đưa ra dự báo sẽ không tăng thêm lãi suất. Cùng với quyết định giữ nguyên lãi suất, Fed dự kiến ít nhất sẽ có 3 lần cắt giảm lãi suất vào năm 2024. Số lần cắt giảm này thấp hơn dự đoán 4 lần của thị trường, nhưng mạnh mẽ hơn những gì các quan chức chỉ ra trước đó.

Fitch Ratings nâng xếp hạng Vietcombank, VietinBank, Agribank, MB, ACB và 3 ngân hàng 100% vốn nước ngoài

Động thái này diễn ra sau khi Fitch Ratings nâng hạng tín nhiệm nhà phát hành nợ (IDR) dài hạn của Việt Nam từ mức 'BB' lên 'BB+', với triển vọng ổn định vào ngày 8/12. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm Fitch Ratings vừa thông báo nâng xếp hạng đối với 8 ngân hàng tại Việt Nam là Vietcombank, VietinBank, Agribank, ACB, MB, Ngân hàng HSBC Việt Nam, Ngân hàng ANZ Việt Nam và Ngân Standard Chartered Việt Nam. Với Vietcombank, VietinBank và Agribank, Fitch Ratings đã đồng loạt nâng Xếp hạng nhà phát hành nợ dài hạn (IDR) của các ngân hàng này lên mức 'BB+' và Xếp hạng hỗ trợ của Chính phủ lên mức 'bb+' từ 'bb'. Triển vọng IDR ổn định.

Thủ tướng chỉ đạo tăng cường giải pháp thúc đẩy thị trường chứng khoán

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính vừa ký ban hành Công điện số 1360/CP-TTg ngày 13/12/2023 về tăng cường các giải pháp thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững. Huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời đã quyết liệt, kịp thời chỉ đạo các Bộ, ngành, cơ quan quản lý nhà nước thực hiện các giải pháp hỗ trợ thị trường vốn, thị trường chứng khoán phát triển, phát huy vai trò kênh huy động vốn trung và dài hạn của nền kinh tế, góp phần hỗ trợ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, người dân, thúc đẩy tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô.

TIN DOANH NGHIỆP**FPT thành lập công ty về phần mềm ô tô tại Mỹ**

Ngày 14/12, CTCP FPT (HOSE: FPT) công bố thành lập Công ty FPT Automotive có trụ sở tại Texas, Mỹ, nhằm chinh phục thị trường phần mềm ô tô quy mô hàng trăm tỷ đô la. FPT Automotive đặt mục tiêu trở thành nhà cung cấp dịch vụ và sản phẩm phần mềm cho ngành công nghiệp ô tô thế giới trị giá 1 tỷ USD vào năm 2030. Công ty sẽ tập trung vào các thị trường trọng điểm như Mỹ, châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và Việt Nam. FPT Automotive cung cấp dịch vụ toàn diện tới các khách hàng gồm công nghệ giải trí, thông tin trong xe, đơn vị điều khiển điện tử (ECU), chức năng an toàn, an ninh, thiết kế UI/UX cho ô tô, kết nối không dây và kỹ thuật số.

HHV sẽ tham gia đầu tư dự án cao tốc hơn 14 ngàn tỷ đồng Đồng Đăng – Trà Lĩnh

Ngày 12/12, HĐQT CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (HOSE: HHV) đã thông qua chủ trương tham gia đầu tư, thi công xây lắp và thực hiện quản lý vận hành tại dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) giai đoạn 1 theo hình thức đối tác công tư (PPP). Theo Nghị quyết, HHV sẽ tham gia đầu tư bằng nhiều hình thức. Đầu tiên, Công ty sẽ tham gia làm nhà đầu tư trực tiếp, góp vốn chủ sở hữu vào doanh nghiệp dự án (DNDA) PPP và cùng Liên danh nhà đầu tư (bao gồm HHV – CTCP Tập đoàn Đèo Cả - CTCP Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam – CTCP Xây dựng công trình 568). DNDA sẽ ký kết hợp đồng BOT với UBND tỉnh Cao Bằng.

Thủy điện A Vương (AVC) chia cổ tức năm 2023 kỷ lục, hơn 70% bằng tiền mặt

CTCP Thủy điện A Vương (AVC – UPCoM) cho biết, ngày 25/12 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức đợt 3/2023 bằng tiền với tỷ lệ 20,95%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 2.095 đồng. Như vậy, với hơn 75 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính AVC cần chi hơn 157 tỷ đồng để trả cổ tức trong đợt này cho cổ đông hiện hữu. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 22/12 và ngày thanh toán cổ tức dự kiến là 14/3/2024.

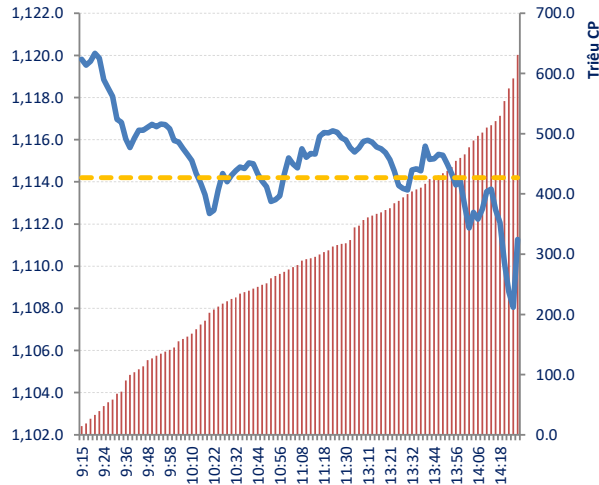
Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn (PSC) điều chỉnh giảm 13% kế hoạch lợi nhuận

Kết quả kinh doanh không như kỳ vọng và việc thay đổi cơ cấu đường bộ của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam là nguyên nhân khiến PSC phải điều chỉnh phương án lợi nhuận của năm 2023. Hội đồng Quản trị CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn (PSC) mới đây đã ra thông báo lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh phương án lợi nhuận sản xuất kinh doanh năm 2023. Cụ thể, PSC sẽ điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận trong năm 2023 xuống còn 9,95 tỷ đồng, giảm khoảng 13% so với mục tiêu ban đầu được đặt ra tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên.

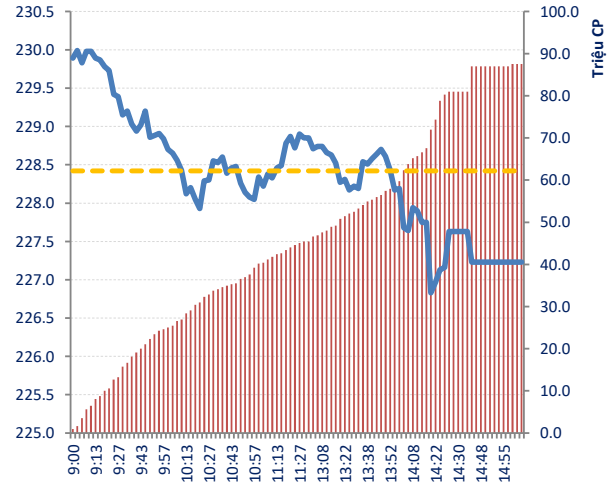


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

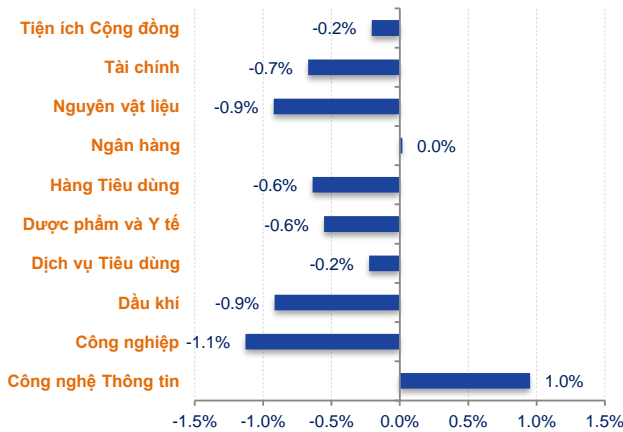
KLGD và VN-Index trong phiên



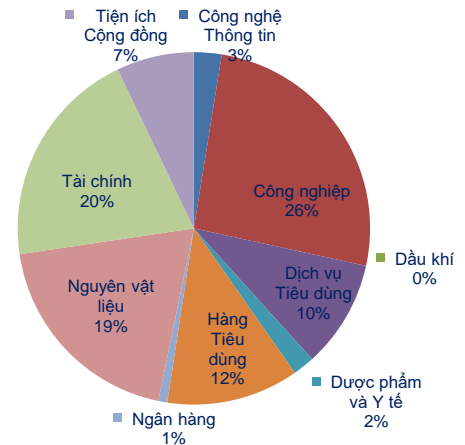
KLGD và HNX-Index trong phiên



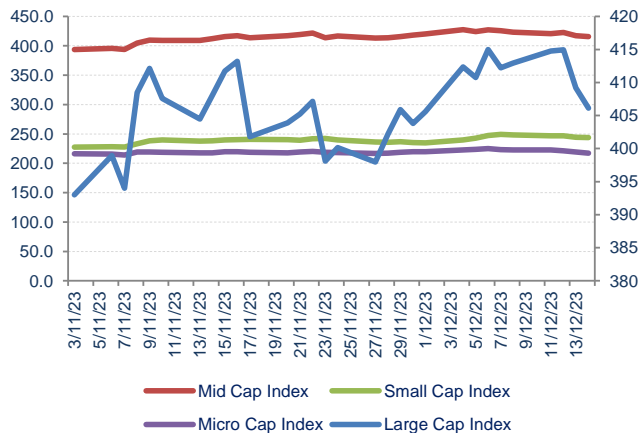
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



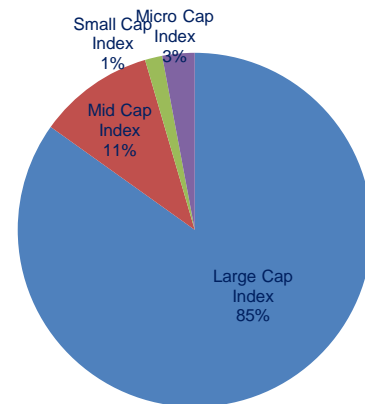
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HDB	1,020,971	VPB	1,939,146	1	IDC	1,505,372	PVS	452,600
2	MWG	545,698	SHB	1,869,028	2	LAS	273,000	DHT	45,400
3	SSI	543,827	CTG	1,806,126	3	CTP	30,000	HUT	19,600
4	ITA	436,000	STB	1,664,400	4	AAV	9,950	TA9	14,100
5	NKG	397,100	HPG	1,374,553	5	TNG	9,900	NVB	14,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	27.95	27.35	↓ -2.15%	33,557,700	SHS	18.60	18.20	↓ -2.15%	20,500,628
VIX	17.10	16.60	↓ -2.92%	29,221,900	CEO	23.80	23.00	↓ -3.36%	16,126,308
HAG	13.10	13.55	↑ 3.44%	27,661,300	HUT	20.90	20.60	↓ -1.44%	9,855,578
EIB	19.00	19.00	→ 0.00%	26,911,740	PVS	39.40	37.90	↓ -3.81%	9,682,493
DXG	19.45	19.10	↓ -1.80%	24,712,000	EVS	8.60	8.50	↓ -1.16%	8,498,580

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KPF	5.47	5.85	0.38	↑ 6.95%	VE8	5.10	5.60	0.50	↑ 9.80%
DXV	4.13	4.41	0.28	↑ 6.78%	DTG	19.80	21.70	1.90	↑ 9.60%
TPC	5.56	5.88	0.32	↑ 5.76%	MKV	9.40	10.30	0.90	↑ 9.57%
FUEIP100	8.01	8.45	0.44	↑ 5.49%	LBE	14.80	16.20	1.40	↑ 9.46%
OPC	23.00	24.00	1.00	↑ 4.35%	TTL	7.40	8.10	0.70	↑ 9.46%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
COM	32.45	30.20	-2.25	↓ -6.93%	SGD	14.10	12.70	-1.40	↓ -9.93%
NHH	19.90	18.55	-1.35	↓ -6.78%	PTI	49.80	44.90	-4.90	↓ -9.84%
CCI	22.90	21.50	-1.40	↓ -6.11%	SDU	23.70	21.40	-2.30	↓ -9.70%
ADP	19.30	18.15	-1.15	↓ -5.96%	VCM	15.00	13.60	-1.40	↓ -9.33%
LEC	6.49	6.11	-0.38	↓ -5.86%	KHS	10.80	9.80	-1.00	↓ -9.26%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	33,557,700	1.9%	322	85.0	1.6
VIX	29,221,900	8.2%	1,005	16.5	1.3
HAG	27,661,300	18.6%	1,070	12.7	2.4
EIB	26,911,740	8.3%	1,013	18.7	1.5
DXG	24,712,000	-2.0%	(456)	-	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	20,500,628	5.4%	643	28.3	1.5
CEO	16,126,308	6.7%	955	24.1	1.9
HUT	9,855,578	0.8%	122	169.2	1.6
PVS	9,682,493	6.7%	1,846	20.5	1.4
EVS	8,498,580	5.9%	688	12.3	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KPF	↑ 6.9%	9.2%	1,175	5.0	0.4
DXV	↑ 6.8%	-2.0%	(226)	-	0.4
TPC	↑ 5.8%	-14.9%	(2,036)	-	0.5
FUEIP100	↑ 5.5%	N/A	N/A	N/A	N/A
OPC	↑ 4.3%	15.8%	2,096	11.4	1.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VE8	↑ 9.8%	-57.7%	(3,587)	-	1.2
DTG	↑ 9.6%	14.3%	2,500	8.7	1.1
MKV	↑ 9.6%	8.0%	1,205	8.5	0.7
LBE	↑ 9.5%	7.1%	815	19.9	1.4
TTL	↑ 9.5%	2.1%	307	26.3	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	1,020,971	20.7%	2,926	6.4	1.3
MWG	545,698	3.0%	476	87.6	2.6
SSI	543,827	8.9%	1,346	23.8	2.1
ITA	436,000	-2.1%	(232)	-	0.6
NKG	397,100	-4.8%	(975)	-	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	1,505,372	17.0%	3,177	16.0	3.0
LAS	273,000	8.5%	1,018	14.7	1.2
CTP	30,000	0.4%	46	98.2	0.4
AAV	9,950	-2.2%	(260)	-	0.4
TNG	9,900	13.4%	1,776	11.0	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	467,807	22.6%	6,013	13.9	2.9
BID	237,138	17.6%	3,450	12.1	2.0
VHM	177,440	25.0%	9,468	4.3	1.0
GAS	176,619	19.0%	5,283	14.6	2.8
VIC	167,432	2.7%	977	44.9	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	18,386	0.8%	122	169.2	1.6
PVS	18,115	6.7%	1,846	20.5	1.4
IDC	16,764	17.0%	3,177	16.0	3.0
SHS	14,799	5.4%	643	28.3	1.5
THD	13,475	2.9%	460	76.1	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	3.00	-0.2%	(32)	-	0.7
VPH	2.85	-2.0%	(218)	-	0.8
EVG	2.73	1.3%	155	35.6	0.5
DXS	2.62	-1.9%	(269)	-	0.5
VIX	2.52	8.2%	1,005	16.5	1.3

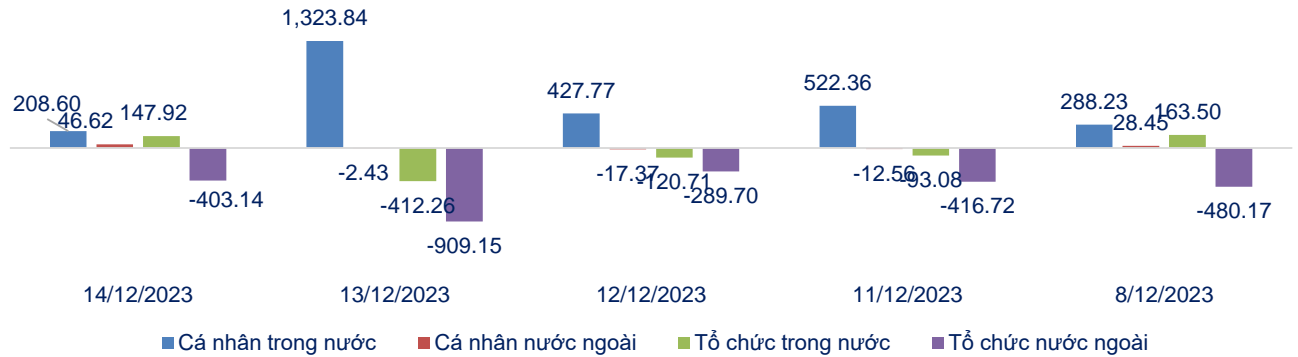
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	3.43	6.2%	619	24.4	1.4
C69	2.45	2.1%	256	28.1	0.6
VC2	2.39	2.2%	291	35.4	0.8
VIG	2.22	6.8%	501	15.6	1.1
IVS	2.11	3.4%	362	27.7	0.9



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	122.66	8.3%	1,013	18.7	1.5
STB	52.52	17.5%	3,825	7.2	1.2
VPB	28.14	9.7%	1,492	12.9	1.0
HSG	26.01	0.2%	37	568.4	1.2
CTG	24.57	15.7%	3,377	7.9	1.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	-44.70	23.8%	3,839	5.8	1.3
HPG	-43.79	1.9%	322	85.0	1.6
PET	-40.23	3.8%	733	36.8	1.4
MWG	-39.37	3.0%	476	87.6	2.6
HDB	-34.52	20.7%	2,926	6.4	1.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	20.28	22.4%	4,290	4.2	1.0
PDR	3.08	1.6%	199	132.3	2.1
CTG	2.45	15.7%	3,377	7.9	1.2
DIG	2.38	1.4%	182	142.0	2.0
SSI	1.76	8.9%	1,346	23.8	2.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-0.42	17.5%	3,825	7.2	1.2
HAH	-0.32	16.3%	4,525	8.0	1.2
EVE	-0.30	4.0%	973	15.2	0.6
VCG	-0.30	2.8%	516	47.6	1.3
KBC	-0.22	7.6%	1,892	16.6	1.2

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	81.37	1.9%	322	85.0	1.6
ACB	44.70	23.8%	3,839	5.8	1.3
PET	40.23	3.8%	733	36.8	1.4
CTG	23.45	15.7%	3,377	7.9	1.2
E1VFN30	22.15	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	-122.63	8.3%	1,013	18.7	1.5
HSG	-24.52	0.2%	37	568.4	1.2
FUEVFN30	-13.43	N/A	N/A	N/A	N/A
DBC	-12.02	-1.3%	(250)	-	1.3
EVF	-10.73	9.0%	1,009	16.1	1.4

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

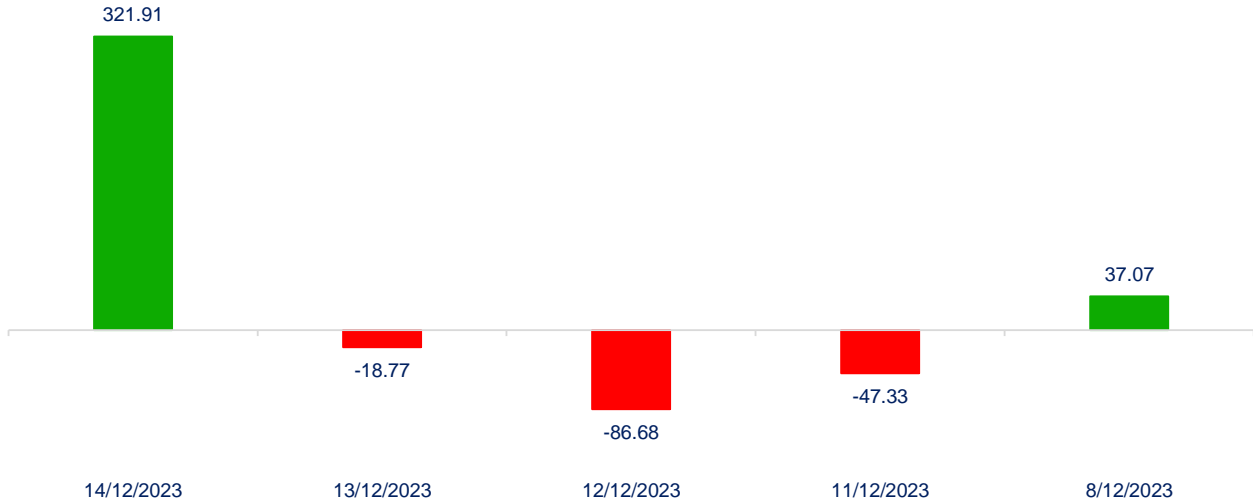
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	23.44	22.6%	6,013	13.9	2.9
MWG	22.98	3.0%	476	87.6	2.6
HDB	19.49	20.7%	2,926	6.4	1.3
VJC	15.91	-14.0%	(3,851)	-	3.7
SSI	15.83	8.9%	1,346	23.8	2.1

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-50.47	15.7%	3,377	7.9	1.2
STB	-45.18	17.5%	3,825	7.2	1.2
HPG	-38.90	1.9%	322	85.0	1.6
VPB	-38.69	9.7%	1,492	12.9	1.0
VCI	-31.59	5.7%	911	44.9	2.5



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn